

CƠ SỞ LÝ LUẬN CỦA VIỆC VẬN DỤNG PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC TÍCH CỰC TRONG ĐÀO TẠO GIÁO VIÊN MẦM NON

Nguyễn Thị Thúy Hạnh, Đinh Khánh Quỳnh
Trường Đại học Thủ đô Hà Nội

Tóm tắt: Việc vận dụng phương pháp dạy học tích cực trong đào tạo giáo viên mầm non trở thành yêu cầu tất yếu trong bối cảnh đổi mới giáo dục hiện nay. Bài báo hệ thống hóa cơ sở lý luận của dạy học tích cực, làm rõ khái niệm, đặc điểm, vai trò và các nguyên tắc cơ bản của phương pháp này. Trên cơ sở Khung Chương trình đào tạo giáo viên mầm non theo Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT và chương trình của Trường Đại học Thủ đô Hà Nội, nghiên cứu phân tích mục tiêu, nội dung đào tạo và các năng lực nghề nghiệp cần hình thành ở sinh viên ngành giáo viên mầm non. Kết quả cho thấy dạy học tích cực có mối quan hệ mật thiết với các năng lực cốt lõi của giáo viên mầm non, đặc biệt là năng lực lập kế hoạch, tổ chức hoạt động, đánh giá trẻ, giao tiếp – hợp tác và năng lực tự học. Bài báo cũng chỉ ra các yếu tố ảnh hưởng đến việc vận dụng dạy học tích cực, bao gồm: năng lực và quan điểm đổi mới của giảng viên; thái độ, kỹ năng nền tảng của sinh viên; chương trình đào tạo và điều kiện bảo đảm của cơ sở đào tạo. Nghiên cứu khẳng định dạy học tích cực không chỉ là công cụ đổi mới phương pháp dạy học mà còn là cách tiếp cận hiệu quả để phát triển năng lực nghề nghiệp giáo viên mầm non theo yêu cầu chuẩn đầu ra mới. Kết quả nghiên cứu có thể làm căn cứ cho các cơ sở đào tạo trong điều chỉnh chương trình và thiết kế học phần theo hướng phát triển năng lực.

Từ khóa: Đào tạo giáo viên mầm non; đổi mới phương pháp dạy học; môi trường học tập tích cực; năng lực giáo viên mầm non; phương pháp dạy học tích cực.

Nhận bài ngày: 10.12.2025 gửi phản biện, chỉnh sửa, duyệt đăng ngày 29.01.2026

Liên hệ tác giả: Nguyễn Thị Thúy Hạnh, email: ntthanh@daihocthudo.edu.vn

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Giáo dục mầm non giữ vai trò nền tảng trong hệ thống giáo dục quốc dân, là giai đoạn đặt những viên gạch đầu tiên cho sự phát triển toàn diện của trẻ. Cùng với yêu cầu đổi mới căn bản – toàn diện giáo dục Việt Nam, giáo viên mầm non (GVMN) ngày nay không chỉ chăm sóc và giáo dục trẻ mà còn phải đáp ứng chuẩn nghề nghiệp mới, thích ứng với môi trường giáo dục đổi mới, chuyển đổi số và xu hướng đổi mới phương pháp dạy học.

Trong khoảng một thập kỷ qua, nhiều công trình trong và ngoài nước đã đề cập đến dạy học tích cực và đào tạo GVMN. Trần Bá Hoàn (2006) nhấn mạnh vai trò của dạy học tích cực (DHTC) trong phát huy tính chủ động của người học; Lê Thị Phương Nga (2018) và Nguyễn Thị Hoa (2020) tập trung vào phát triển năng lực sư phạm của GVMN theo tiếp cận hiện đại; Vũ Thị Thu Hiền (2022) đề cập đến tác động của chuyển đổi số trong GDMN. Tuy nhiên, các nghiên cứu hiện có chưa kết nối một cách hệ thống giữa cơ sở lý luận của DHTC với yêu cầu đào tạo GVMN theo Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT và đặc thù chương trình đào tạo của các cơ sở đào tạo như Trường Đại học Thủ đô Hà Nội.

Trong bối cảnh đó, việc nghiên cứu cơ sở lý luận của DHTC và phân tích sự cần thiết vận dụng DHTC trong đào tạo GVMN là thực sự cấp thiết. Bài báo tập trung: (1) hệ thống hóa cơ sở lý luận về DHTC; (2) phân tích mục tiêu, nội dung, yêu cầu năng lực của chương trình đào tạo GVMN hiện hành; (3) làm rõ mối quan hệ giữa DHTC và các năng lực nghề nghiệp của GVMN; (4) nhận diện các yếu tố ảnh hưởng và bối cảnh tác động; (5) đề xuất định hướng áp dụng DHTC trong đào tạo GVMN. Nội dung này góp phần bổ sung luận cứ lý luận cho đổi mới chương trình đào tạo, nâng cao chất lượng đào tạo GVMN trong giai đoạn hiện nay.

2. NỘI DUNG

2.1. Cơ sở lý luận về phương pháp dạy học tích cực

2.1.1. Khái niệm và đặc điểm của phương pháp dạy học tích cực

Phương pháp dạy học tích cực (DHTC) là một hệ thống các phương pháp dạy học nhằm phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của người học trong quá trình lĩnh hội kiến thức và kỹ năng. Đây là một cách tiếp cận giáo dục hiện đại, lấy người học làm trung tâm, thay vì người dạy.

DHTC không chỉ đơn thuần là việc tăng cường các hoạt động học tập, mà còn là sự thay đổi về chất trong phương pháp dạy học. Trần Bá Hoàn (2006), "DHTC là một thuật ngữ rút gọn, được dùng ở nhiều nước để chỉ những phương pháp dạy học theo hướng phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của người học". DHTC nhấn mạnh đến vai trò chủ động của người học trong việc xây dựng kiến thức, kỹ năng và thái độ. Giáo viên đóng vai trò là người hướng dẫn, hỗ trợ, tạo điều kiện cho người học tự khám phá, tìm tòi và lĩnh hội kiến thức.

Đặc điểm phương pháp DHTC là:

Lấy người học làm trung tâm: DHTC đặt người học vào vị trí trung tâm của quá trình dạy học. Người học là chủ thể tích cực, chủ động tham gia vào các hoạt động học tập (Trần Bá Hoàn, 2006).

Phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của người học: DHTC tạo điều kiện cho người học được tham gia vào các hoạt động học tập đa dạng, phong phú, khuyến khích sự tìm tòi, khám phá, sáng tạo (Lê Thị Phương Nga, 2018).

Tăng cường sự tương tác giữa người học và người dạy, giữa người học và người học: DHTC tạo môi trường học tập hợp tác, thân thiện, khuyến khích sự trao đổi, chia sẻ, giúp đỡ lẫn nhau giữa người học và người dạy, giữa người học và người học (Trần Khánh An, 2017).

Chú trọng phát triển năng lực tư duy, kỹ năng thực hành: DHTC không chỉ chú trọng đến việc truyền thụ kiến thức, mà còn chú trọng đến việc phát triển năng lực tư duy, kỹ năng thực hành, kỹ năng giải quyết vấn đề cho người học (Nguyễn Thị Hoa, 2020).

Đa dạng hóa các hình thức và phương pháp dạy học: DHTC sử dụng nhiều hình thức và phương pháp dạy học khác nhau, phù hợp với nội dung bài học và đặc điểm của người học (Trần Bá Hoàn, 2006).

Đánh giá kết quả học tập một cách toàn diện: DHTC đánh giá kết quả học tập của người học không chỉ dựa trên kết quả bài kiểm tra, mà còn dựa trên quá trình học tập, sự tham gia vào các hoạt động học tập, khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn (Bộ GD&ĐT, 2021).

2.1.2. Vai trò của phương pháp DHTC trong giáo dục nói chung

Phương pháp DHTC đóng vai trò vô cùng quan trọng trong việc nâng cao chất lượng giáo dục nói chung, mang lại nhiều lợi ích thiết thực cho cả người học và người dạy.

(1) *Phát triển năng lực người học:*

Tăng cường tính chủ động và tự lực: DHTC khuyến khích người học chủ động tham gia vào quá trình học tập, tự tìm tòi, khám phá và lĩnh hội kiến thức. Điều này giúp họ phát triển khả năng tự học, tự nghiên cứu và tự giải quyết vấn đề (Lê Thị Phương Nga, 2018).

Phát triển tư duy phản biện và sáng tạo: DHTC tạo điều kiện cho người học được suy nghĩ, phân tích, đánh giá và đưa ra ý kiến của mình. Qua đó, họ phát triển tư duy phản biện, khả năng sáng tạo và năng lực giải quyết vấn đề một cách linh hoạt (Trần Bá Hoàn, 2006).

Phát triển kỹ năng hợp tác và giao tiếp: DHTC thường sử dụng các hình thức học tập nhóm, dự án, thảo luận,... giúp người học rèn luyện kỹ năng hợp tác, làm việc nhóm, giao tiếp và trình bày ý kiến (Trần Khánh An, 2017).

Phát triển năng lực vận dụng kiến thức vào thực tiễn: DHTC gắn liền lý thuyết với thực hành, giúp người học hiểu rõ ý nghĩa và ứng dụng của kiến thức trong cuộc sống, từ đó nâng cao khả năng vận dụng kiến thức vào giải quyết các vấn đề thực tiễn (Bộ GD&ĐT, 2021).

(2) *Nâng cao chất lượng dạy học:*

Tạo hứng thú học tập: DHTC tạo ra môi trường học tập sinh động, hấp dẫn, kích thích sự tò mò và hứng thú học tập của người học (Lê Thị Phương Nga, 2018).

Tăng cường sự tương tác giữa người học và người dạy: DHTC tạo điều kiện cho người học và người dạy tương tác, trao đổi, chia sẻ kiến thức và kinh nghiệm, từ đó xây dựng mối quan hệ gần

gũi, thân thiện (Trần Khánh An, 2017).

Nâng cao hiệu quả dạy học: DHTC giúp người học nắm vững kiến thức, kỹ năng một cách sâu sắc và bền vững, từ đó nâng cao hiệu quả dạy học (Trần Bá Hoành, 2006).

Phát triển năng lực sư phạm của người dạy: DHTC đòi hỏi người dạy phải không ngừng học hỏi, đổi mới phương pháp giảng dạy, từ đó nâng cao năng lực sư phạm và khả năng thích ứng với những thay đổi của giáo dục (Nguyễn Thị Hoa, 2020).

(3) **Góp phần xây dựng xã hội học tập:**

Hình thành thói quen tự học suốt đời: DHTC giúp người học hình thành thói quen tự học, tự nghiên cứu, từ đó tạo nền tảng cho việc học tập suốt đời (Lê Thị Phương Nga, 2018).

Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực: DHTC góp phần đào tạo ra những người lao động có năng lực, sáng tạo, đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động và sự phát triển của xã hội (Bộ GD&ĐT, 2021).

Xây dựng xã hội học tập: DHTC tạo ra môi trường học tập mở, linh hoạt, khuyến khích mọi người học tập mọi lúc, mọi nơi, từ đó góp phần xây dựng xã hội học tập (Bộ GD&ĐT, 2021).

Tóm lại, DHTC đóng vai trò vô cùng quan trọng trong việc nâng cao chất lượng giáo dục, phát triển năng lực người học, nâng cao chất lượng dạy học và góp phần xây dựng xã hội học tập.

2.1.3. Các nguyên tắc cơ bản của phương pháp DHTC

Phương pháp DHTC được xây dựng trên một số nguyên tắc cơ bản, đảm bảo sự thành công và hiệu quả của quá trình dạy và học.

(1) **Nguyên tắc đảm bảo tính mục đích:** Mọi hoạt động dạy học đều phải hướng đến những mục tiêu rõ ràng, cụ thể, phù hợp với trình độ và khả năng của người học. Mục tiêu phải được xác định ngay từ đầu và được thông báo rõ ràng cho người học. Mục tiêu phải được đánh giá thường xuyên để đảm bảo tính phù hợp và hiệu quả (Trần Bá Hoành, 2006).

(2) **Nguyên tắc đảm bảo tính tự giác và tích cực:** Sinh viên phải là chủ thể tích cực, chủ động tham gia vào quá trình học tập, phải được khuyến khích tự tìm tòi, khám phá, sáng tạo và giải quyết vấn đề, phải được tạo điều kiện để thể hiện ý kiến, quan điểm và năng lực của mình (Lê Thị Phương Nga, 2018).

(3) **Nguyên tắc đảm bảo tính phù hợp:** Nội dung và phương pháp dạy học phải phù hợp với trình độ, khả năng và nhu cầu của người học, phù hợp với điều kiện và hoàn cảnh thực tế, phải phù hợp với mục tiêu và yêu cầu của chương trình đào tạo (Bộ GD&ĐT, 2021).

(4) **Nguyên tắc đảm bảo tính hệ thống và logic:** Nội dung và phương pháp dạy học phải được tổ chức một cách hệ thống, logic, đảm bảo tính liên tục và kế thừa. Các hoạt động học tập phải được sắp xếp theo một trình tự hợp lý, từ dễ đến khó, từ đơn giản đến phức tạp và phải được liên kết chặt chẽ với nhau, tạo thành một chỉnh thể thống nhất (Trần Bá Hoành, 2006).

(5) **Nguyên tắc đảm bảo tính thực tiễn:** Nội dung và phương pháp dạy học phải gắn liền với thực tiễn cuộc sống và công việc. Sinh viên phải được tạo điều kiện để vận dụng kiến thức và kỹ năng vào giải quyết các vấn đề thực tiễn, phải được khuyến khích tham gia vào các hoạt động thực hành, thực tập, nghiên cứu khoa học (Nguyễn Thị Hoa, 2020).

(6) **Nguyên tắc đảm bảo tính cá nhân hóa:** Mỗi sinh viên có những đặc điểm, năng lực và nhu cầu khác nhau. Giảng viên cần chú ý đến sự khác biệt của từng sinh viên và có những biện pháp hỗ trợ phù hợp và cần được tạo điều kiện để phát huy tối đa năng lực và sở trường của mình (Phạm Thị Kim Loan, 2019).

(7) **Nguyên tắc đảm bảo tính tương tác và hợp tác:** Học tập là một quá trình tương tác và hợp tác giữa người học và người dạy, giữa người học và người học. Sinh viên cần được khuyến khích trao đổi, chia sẻ, giúp đỡ lẫn nhau trong quá trình học tập. Giảng viên cần tạo ra môi trường học tập thân thiện, cởi mở, khuyến khích sự tham gia của tất cả người học (Trần Khánh An, 2017).

2.2. Chương trình đào tạo giáo viên mầm non

2.2.1. Mục tiêu và nội dung đào tạo giáo viên mầm non

Đào tạo GVMN hiện nay được thực hiện theo Khung chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Giáo dục mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT. Khung chương trình xác định rõ mục tiêu đào tạo, yêu cầu về chuẩn đầu ra, cơ cấu kiến thức và định hướng phương

pháp đào tạo nhằm bảo đảm sinh viên có đủ năng lực hành nghề trong bối cảnh đổi mới giáo dục và hội nhập. Trên cơ sở đó, các cơ sở đào tạo - trong đó có Trường Đại học Thủ đô Hà Nội - xây dựng chương trình cụ thể phù hợp với đặc thù của đơn vị nhưng vẫn đảm bảo thống nhất với khung chuẩn quốc gia.

(1) Mục tiêu đào tạo giáo viên mầm non

Theo Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT, mục tiêu của chương trình đào tạo GVMN bao gồm các nhóm chủ yếu sau:

a) *Phẩm chất nghề nghiệp*: Hình thành phẩm chất đạo đức, lòng yêu nghề - yêu trẻ, tinh thần trách nhiệm và thái độ nhân ái, tôn trọng sự khác biệt của trẻ; Phát triển bản lĩnh nghề nghiệp, tác phong sư phạm chuẩn mực; Có ý thức tuân thủ pháp luật và các quy định về chăm sóc - giáo dục trẻ.

b) *Kiến thức chuyên môn*: Nắm vững kiến thức nền tảng về khoa học giáo dục, tâm lý học lứa tuổi, giáo dục học mầm non và các lĩnh vực phát triển của trẻ (thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm - xã hội và thẩm mỹ). Hiểu rõ mục tiêu, nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức hoạt động giáo dục theo Chương trình Giáo dục Mầm non (Bộ GD&ĐT, 2021).

c) *Kỹ năng và năng lực nghề nghiệp*: Có năng lực lập kế hoạch, thiết kế và tổ chức hoạt động chăm sóc - giáo dục trẻ theo hướng phát triển năng lực; Có kỹ năng tạo môi trường giáo dục an toàn, thân thiện, kích thích trẻ trải nghiệm và khám phá; Có năng lực đánh giá sự phát triển của trẻ bằng nhiều hình thức, công cụ khác nhau; Có năng lực giao tiếp, hợp tác với phụ huynh, đồng nghiệp và cộng đồng; Có năng lực ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT), sử dụng thiết bị dạy học hiện đại trong giáo dục mầm non.

d) *Năng lực tự học và phát triển nghề nghiệp*: Có khả năng nghiên cứu khoa học giáo dục mầm non; tự học, tự bồi dưỡng để nâng cao trình độ chuyên môn theo yêu cầu nghề nghiệp.

(2) Nội dung đào tạo giáo viên mầm non

Dựa trên Khung chương trình của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Trường Đại học Thủ đô Hà Nội triển khai chương trình đào tạo với cơ cấu nội dung gồm ba khối chính:

a) *Kiến thức giáo dục đại cương*

Bao gồm các học phần cơ bản như: triết học, tâm lý học đại cương, giáo dục học, pháp luật, tin học, ngoại ngữ, kỹ năng mềm... giúp sinh viên có nền tảng kiến thức rộng để tiếp cận chuyên ngành.

b) *Kiến thức chuyên ngành Giáo dục mầm non*

Đây là phần cốt lõi của chương trình đào tạo (CTĐT), bao gồm: Tâm lý học trẻ mầm non, giáo dục học mầm non; Phương pháp chăm sóc và giáo dục trẻ theo từng lĩnh vực phát triển; Phương pháp tổ chức hoạt động chơi, hoạt động góc, hoạt động ngoài trời, hoạt động trải nghiệm; Thiết kế môi trường giáo dục, quản lý lớp học, đánh giá sự phát triển của trẻ mầm non; Giáo dục hòa nhập, giáo dục kỹ năng sống, dinh dưỡng - sức khỏe cho trẻ mầm non; Ứng dụng CNTT trong GDMN và chuyển đổi số trong GDMN.

Chương trình của Trường Đại học Thủ đô Hà Nội có điều chỉnh theo định hướng ứng dụng, chú trọng thực hành nghề nghiệp, tăng thời lượng các học phần phương pháp và kỹ thuật DHTC, học thông qua trải nghiệm và mô phỏng.

c) *Hoạt động thực hành – thực tập nghề nghiệp*

Khối thực hành được tăng cường nhằm rèn luyện kỹ năng thực tiễn: Thực hành tại phòng thực hành/mô phỏng; Kiến tập tại các trường mầm non; Thực tập sư phạm kéo dài theo các giai đoạn nghề nghiệp; Tham gia nghiên cứu khoa học, dự án học tập và khóa luận tốt nghiệp.

Khối nội dung này đảm bảo sinh viên được trải nghiệm các tình huống sư phạm thực tế, rèn luyện khả năng vận dụng các phương pháp DHTC trong bối cảnh nghề nghiệp thật.

2.2.2. Vai trò và phẩm chất của giáo viên mầm non trong bối cảnh hiện nay

Sự thay đổi mạnh mẽ của bối cảnh giáo dục hiện nay đặt ra những yêu cầu mới đối với đội ngũ GVMN. Khác với giai đoạn trước, giáo dục mầm non đang chịu tác động của ba xu hướng nổi bật: (1) đổi mới chương trình giáo dục mầm non theo hướng phát triển năng lực và lấy trẻ làm trung tâm (Chương trình giáo dục mầm non, 2021); (2) chuyển đổi số trong giáo dục, đòi hỏi giáo viên biết ứng dụng công nghệ trong tổ chức hoạt động và giao tiếp với phụ huynh; (3) gia tăng kỳ vọng xã

hội về chất lượng chăm sóc - giáo dục trẻ, trong bối cảnh phụ huynh và cộng đồng quan tâm nhiều hơn đến môi trường học tập an toàn, hạnh phúc và phát triển toàn diện.

Những thay đổi này khiến vai trò của GVMN ngày nay rộng hơn, phức tạp hơn trước; đồng thời phẩm chất, năng lực của giáo viên phải được nâng lên để đáp ứng yêu cầu đổi mới. Trên cơ sở đó, vai trò và phẩm chất của GVMN trong bối cảnh hiện nay được thể hiện như sau:

(1) Vai trò của giáo viên mầm non

Người chăm sóc và đảm bảo an toàn cho trẻ: GVMN không chỉ chăm sóc đời sống hằng ngày của trẻ mà còn phải nắm vững kiến thức về dinh dưỡng - sức khỏe, an toàn thể chất và tâm lý để phòng ngừa rủi ro trong môi trường giáo dục hiện đại.

Người tổ chức hoạt động giáo dục theo hướng phát triển năng lực: Với Chương trình giáo dục mầm non 2021, giáo viên phải biết thiết kế hoạt động tích hợp, tạo cơ hội cho trẻ trải nghiệm, khám phá, hợp tác và thể hiện bản thân.

Người kiến tạo môi trường giáo dục số và môi trường học tập tích cực: Giáo viên phải biết ứng dụng công nghệ trong truyền thông với phụ huynh, hỗ trợ dạy học, đồng thời xây dựng không gian học tập mở - an toàn - kích thích trẻ trải nghiệm.

Người kết nối với gia đình và cộng đồng: Trong bối cảnh thông tin mở, phụ huynh tham gia nhiều hơn vào quá trình giáo dục, giáo viên cần phối hợp chặt chẽ, minh bạch, kịp thời trong chia sẻ về sự phát triển của trẻ.

Người học tập suốt đời và đổi mới sáng tạo: Sự thay đổi liên tục của giáo dục đòi hỏi giáo viên cập nhật phương pháp dạy học, nghiên cứu hành động, ứng dụng CNTT và không ngừng cải tiến hoạt động giáo dục.

(2) Phẩm chất của giáo viên mầm non

Yêu thương - tôn trọng trẻ: Giáo viên phải có thái độ ân cần, tôn trọng cá tính, sự khác biệt của trẻ; tạo môi trường cảm xúc tích cực.

Kiên nhẫn - tận tâm nghề nghiệp: Trong bối cảnh trẻ có nhu cầu cá nhân đa dạng, giáo viên cần sự kiên trì, bình tĩnh và tâm lý vững vàng.

Sáng tạo - linh hoạt: Giáo viên phải ứng biến tốt với các tình huống thực tế, thiết kế hoạt động mới mẻ, phù hợp với đặc điểm lớp học.

Giao tiếp - hợp tác hiệu quả: Yêu cầu phối hợp ngày càng cao với phụ huynh, đồng nghiệp và lực lượng xã hội đòi hỏi giáo viên có năng lực giao tiếp rõ ràng, tích cực, tôn trọng và trách nhiệm.

Đạo đức nghề nghiệp - ý thức phát triển bản thân: Giáo viên phải tuân thủ quy định, chuẩn mực nghề nghiệp và có tinh thần tự bồi dưỡng, học tập suốt đời để đáp ứng yêu cầu đổi mới của giáo dục.

2.2.3. Các yêu cầu về năng lực của giáo viên mầm non

Giáo viên mầm non đóng vai trò then chốt trong việc đặt nền móng cho sự phát triển toàn diện của trẻ nhỏ. Để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của xã hội, giáo viên mầm non cần trang bị cho mình những năng lực sau:

(1) Năng lực chăm sóc và bảo vệ trẻ:

Năng lực đảm bảo an toàn cho trẻ: Giáo viên cần có khả năng nhận biết và phòng tránh các nguy cơ gây mất an toàn cho trẻ trong môi trường giáo dục, cần nắm vững các kỹ năng sơ cứu cơ bản để xử lý kịp thời các tình huống khẩn cấp.

Năng lực chăm sóc sức khỏe cho trẻ: Giáo viên cần có kiến thức về dinh dưỡng, vệ sinh cá nhân và các biện pháp phòng bệnh cho trẻ, cần có khả năng theo dõi và đánh giá tình trạng sức khỏe của trẻ, phát hiện sớm các dấu hiệu bất thường.

Năng lực nuôi dưỡng trẻ: Giáo viên cần có kỹ năng tổ chức bữa ăn, giấc ngủ cho trẻ một cách khoa học và hợp lý, cần tạo môi trường ăn uống vui vẻ, thoải mái, giúp trẻ ăn ngon miệng và hấp thu tốt.

(2) Năng lực giáo dục trẻ:

Năng lực lập kế hoạch giáo dục: Giáo viên cần có khả năng xây dựng kế hoạch giáo dục phù hợp với mục tiêu, nội dung chương trình và đặc điểm của trẻ, cần lựa chọn các phương pháp, hình

thức tổ chức hoạt động giáo dục phù hợp với từng độ tuổi và khả năng của trẻ.

Năng lực tổ chức hoạt động giáo dục: Giáo viên cần có kỹ năng tổ chức các hoạt động vui chơi, học tập, khám phá một cách linh hoạt và sáng tạo, cần tạo môi trường học tập tích cực, khuyến khích trẻ tham gia chủ động và phát huy khả năng sáng tạo.

Năng lực đánh giá sự phát triển của trẻ: Giáo viên cần có khả năng quan sát, ghi chép và đánh giá sự phát triển của trẻ trên các lĩnh vực: thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm - xã hội và thẩm mỹ, cần sử dụng các công cụ đánh giá phù hợp để theo dõi sự tiến bộ của trẻ và điều chỉnh kế hoạch giáo dục khi cần thiết.

Năng lực ứng xử sư phạm: Giáo viên cần có khả năng ứng xử khéo léo, tế nhị trong các tình huống sư phạm giải quyết các mâu thuẫn, xung đột giữa trẻ một cách hòa bình và xây dựng.

(3) *Năng lực giao tiếp và hợp tác:*

Năng lực giao tiếp với trẻ: Giáo viên cần có khả năng giao tiếp rõ ràng, mạch lạc, phù hợp với trình độ nhận thức của trẻ, cần biết lắng nghe, thấu hiểu và tôn trọng ý kiến của trẻ.

Năng lực giao tiếp với phụ huynh: Giáo viên cần có khả năng giao tiếp cởi mở, chân thành và tôn trọng phụ huynh, cần phối hợp chặt chẽ với phụ huynh để thống nhất các biện pháp giáo dục trẻ.

Năng lực hợp tác với đồng nghiệp: Giáo viên cần có khả năng làm việc nhóm, chia sẻ kinh nghiệm và hỗ trợ đồng nghiệp, cần tham gia tích cực vào hoạt động chuyên môn của trường, lớp.

(4) *Năng lực phát triển chuyên môn:*

Năng lực tự học và tự bồi dưỡng: Giáo viên cần có tinh thần ham học hỏi, không ngừng cập nhật kiến thức và phương pháp giáo dục mới, cần chủ động tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn để nâng cao trình độ.

Năng lực nghiên cứu khoa học: Giáo viên cần có khả năng nghiên cứu các vấn đề liên quan đến giáo dục mầm non, cần ứng dụng các kết quả nghiên cứu vào thực tiễn giáo dục để nâng cao chất lượng chăm sóc và giáo dục trẻ.

Năng lực ứng dụng công nghệ thông tin: Giáo viên cần biết cách sử dụng các thiết bị công nghệ thông tin để hỗ trợ công việc giảng dạy, cần có khả năng tìm kiếm, khai thác và sử dụng các tài liệu, phần mềm giáo dục trực tuyến.

Những năng lực trên là nền tảng để giáo viên mầm non thực hiện tốt vai trò của mình, góp phần vào sự phát triển toàn diện của trẻ nhỏ.

2.3. Cơ sở lý luận về vận dụng phương pháp DHTC trong đào tạo GVMN

2.3.1. Đặc điểm đào tạo GVMN

Đào tạo GVMN có những đặc trưng riêng biệt so với các ngành sư phạm khác, xuất phát từ mục tiêu nghề nghiệp và yêu cầu phát triển năng lực nghề theo Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT. Những đặc điểm này ảnh hưởng trực tiếp đến việc lựa chọn và vận dụng phương pháp dạy học tại các cơ sở đào tạo.

(1) *Tính thực hành trải nghiệm cao*

Chương trình đào tạo GVMN được cấu trúc theo hướng tăng cường thực hành nghề nghiệp, kết hợp chặt chẽ giữa lý thuyết và thực tiễn. Sinh viên phải thường xuyên tham gia hoạt động micro-teaching, thực hành mô phỏng, kiến tập, thực tập nghề tại trường mầm non. Do đó, phương pháp dạy học cần tạo điều kiện để sinh viên được trải nghiệm, thực hành và phản tư liên tục.

(2) *Yêu cầu hình thành phẩm chất nghề đặc thù*

Khác với đào tạo giáo viên các bậc học khác, đào tạo GVMN đòi hỏi chú trọng phát triển phẩm chất nghề: tình yêu thương trẻ, sự kiên nhẫn, tinh thần trách nhiệm, khả năng điều tiết cảm xúc và giao tiếp sư phạm. Các phẩm chất này chỉ có thể hình thành thông qua môi trường học tập tích cực, giàu cảm xúc, có tương tác đa chiều – điều mà DHTC đáp ứng hiệu quả.

(3) *Chương trình đào tạo tích hợp – mở – linh hoạt*

CTĐT GVMN được thiết kế theo hướng tích hợp giữa các lĩnh vực phát triển của trẻ, giữa chăm sóc và giáo dục, giữa lý luận và phương pháp. Do đó, giảng viên cần lựa chọn phương pháp dạy học phù hợp để hỗ trợ sinh viên hình thành năng lực tổ chức hoạt động giáo dục theo hướng tích hợp – trải nghiệm.

(4) Nhu cầu rèn luyện năng lực tổ chức hoạt động giáo dục

GVMN phải có khả năng thiết kế – tổ chức – đánh giá hoạt động cho trẻ. Vì vậy, sinh viên cần được tham gia nhiều hoạt động mô phỏng, đóng vai, dự án và luyện tập thiết kế môi trường giáo dục, học liệu, trò chơi. Đây là những phương pháp đặc trưng của DHTC.

(5) Yếu tố môi trường đào tạo

Đào tạo GVMN yêu cầu hệ thống phòng mô phỏng lớp học mầm non, đồ dùng – đồ chơi, thiết bị STEAM, học liệu thực hành... Những điều kiện này ảnh hưởng mạnh đến khả năng triển khai các kỹ thuật DHTC.

Từ các đặc điểm trên có thể thấy: đào tạo GVMN có mức độ “phù hợp tự nhiên” rất cao với phương pháp DHTC, và việc áp dụng DHTC không chỉ phù hợp mà còn là yêu cầu bắt buộc trong bối cảnh đổi mới giáo dục hiện nay.

2.3.2. Sự cần thiết của việc vận dụng phương pháp DHTC trong đào tạo GVMN

Việc vận dụng DHTC trong đào tạo GVMN trở nên cần thiết từ yêu cầu đổi mới giáo dục mầm non và yêu cầu của chuẩn đầu ra nghề nghiệp:

(1) Đáp ứng yêu cầu của Chương trình Giáo dục Mầm non (2021)

Chương trình mới nhấn mạnh giáo dục lấy trẻ làm trung tâm, tăng cường trải nghiệm, khám phá và tương tác. Để có được phương pháp DHTC, sinh viên phải được học bằng DHTC trong quá trình đào tạo.

(2) Phát triển năng lực nghề nghiệp theo chuẩn đầu ra

DHTC giúp sinh viên hình thành các năng lực cốt lõi của nghề GVMN: lập kế hoạch giáo dục; tổ chức hoạt động; đánh giá sự phát triển trẻ; giao tiếp, hợp tác; ứng dụng CNTT; năng lực nghiên cứu nhỏ trong thực tiễn

(3) Tạo môi trường học tập đáp ứng đặc trưng nghề mầm non

Nghề GVMN đặc biệt coi trọng cảm xúc tích cực, sự tương tác và trải nghiệm. Chỉ có DHTC mới tạo ra môi trường học tập gần giống với môi trường giáo dục mầm non thật.

(4) Tăng cường tính thực tiễn và tính chuyên hóa của kiến thức

Khi tham gia dự án, thảo luận, mô phỏng hoặc xử lý tình huống sự phạm, sinh viên sẽ nắm kiến thức sâu hơn và biết vận dụng vào thực tế - điều mà phương pháp truyền thống khó đạt được.

(5) Phù hợp với xu hướng đào tạo giáo viên hiện đại

Các mô hình ĐTGV tiên tiến (Mỹ, New Zealand, Singapore) đều coi trọng dạy học theo dự án, mô phỏng, quan sát lớp học thực, phản tư nghề nghiệp,... Đây đều là biểu hiện của DHTC.

2.3.2. Mối quan hệ giữa phương pháp DHTC và các năng lực cần thiết của GVMN

Phương pháp DHTC và năng lực nghề nghiệp GVMN có mối quan hệ hai chiều: DHTC vừa là công cụ, vừa là môi trường để hình thành các năng lực nghề.

(1) Năng lực lập kế hoạch giáo dục: DHTC yêu cầu sinh viên tự thiết kế hoạt động, dự án, chuỗi trải nghiệm, giúp họ phát triển tư duy sự phạm, biết phân tích mục tiêu, lựa chọn phương pháp, chuẩn bị học liệu.

(2) Năng lực tổ chức hoạt động giáo dục: Các kỹ thuật như đóng vai, dạy học theo góc, dự án, tình huống,... rèn luyện kỹ năng tổ chức hoạt động giống như GVMN thực thụ.

(3) Năng lực đánh giá trẻ: DHTC đòi hỏi quan sát liên tục → sinh viên tập sử dụng công cụ theo dõi, phân tích sản phẩm học tập, đánh giá quá trình – phương pháp giống đánh giá trẻ trong trường mầm non.

(4) Năng lực giao tiếp - hợp tác: Các hoạt động nhóm, phản biện, trao đổi và trình bày giúp sinh viên phát triển kỹ năng tương tác - năng lực quan trọng hàng đầu của nghề GVMN.

(5) Năng lực tự học và phát triển nghề nghiệp: DHTC thúc đẩy sinh viên tự nghiên cứu, tìm tài liệu, xử lý vấn đề và phản tư - nền tảng cho việc học tập suốt đời của giáo viên.

2.3.4. Các yếu tố ảnh hưởng đến việc vận dụng phương pháp DHTC trong đào tạo GVMN

(1) Yếu tố từ giảng viên: Năng lực chuyên môn và phương pháp giảng dạy; Kỹ năng tổ chức DHTC, sử dụng học liệu – thiết bị; Thái độ đổi mới, sự sẵn sàng thay đổi cách dạy; Tư duy lấy người học làm trung tâm

(2) *Yếu tố từ sinh viên*: Thái độ học tập, động cơ nghề nghiệp; Khả năng tự học, tư duy phản biện, hợp tác; Kỹ năng giao tiếp, khả năng thích ứng với hoạt động nhóm

(3) *Yếu tố từ cơ sở đào tạo*: Mức độ cập nhật và tính mở của chương trình đào tạo; Hệ thống phòng mô phỏng, thiết bị, học liệu; Chính sách khuyến khích đổi mới, sinh hoạt chuyên môn; Môi trường học thuật thân thiện - sáng tạo.

Tóm lại, các yếu tố này quyết định mức độ áp dụng DHTC và chất lượng đào tạo GVMN tại các cơ sở đào tạo hiện nay.

3. KẾT LUẬN

Nghiên cứu đã hệ thống hóa cơ sở lý luận của phương pháp DHTC và làm rõ những đặc điểm đặc thù của đào tạo GVMN. Trên nền tảng đó, nghiên cứu chỉ ra sự cần thiết phải vận dụng DHTC trong đào tạo GVMN nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục, phát triển phẩm chất – năng lực nghề nghiệp và nâng cao chất lượng chăm sóc – giáo dục trẻ.

Kết quả phân tích cho thấy, DHTC có mối quan hệ chặt chẽ với các năng lực cốt lõi của nghề GVMN, đặc biệt là năng lực lập kế hoạch, tổ chức HĐGD, đánh giá sự phát triển của trẻ, giao tiếp – hợp tác và năng lực tự học – phát triển nghề nghiệp. Khi sinh viên được học bằng DHTC, họ có điều kiện hình thành những năng lực tương ứng với yêu cầu nghề nghiệp trong thực tế.

Nghiên cứu đồng thời xác định ba nhóm yếu tố ảnh hưởng trực tiếp đến việc vận dụng DHTC tại các cơ sở đào tạo GVMN: (1) năng lực và quan điểm đổi mới của giảng viên; (2) thái độ học tập, năng lực nền tảng và mức độ chủ động của sinh viên; (3) chất lượng CTĐT, điều kiện cơ sở vật chất và cơ chế hỗ trợ của nhà trường. Đây là những yếu tố quyết định mức độ thành công của DHTC trong môi trường đào tạo giáo viên.

Từ các luận cứ lý luận đã phân tích, có thể khẳng định rằng vận dụng DHTC không chỉ là xu thế của đào tạo giáo viên hiện đại mà còn là yêu cầu tất yếu để nâng cao chất lượng đào tạo GVMN trong giai đoạn đổi mới giáo dục. Những kết quả của nghiên cứu này có thể được sử dụng làm cơ sở tham khảo cho các cơ sở đào tạo khi điều chỉnh chương trình, thiết kế học phần hoặc xây dựng các mô hình dạy học theo hướng phát triển năng lực. Nghiên cứu tương lai có thể mở rộng theo hướng khảo sát thực tiễn triển khai DHTC tại các trường sư phạm, từ đó đề xuất mô hình vận dụng phù hợp với từng điều kiện cụ thể.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2021). *Chương trình giáo dục mầm non*. Nxb Giáo dục Việt Nam. Hà Nội.
2. Trần Bá Hoàn. (2006). *Đổi mới phương pháp dạy học ở trường phổ thông*. Nxb ĐHSP. Hà Nội.
3. Lê Thị Phương Nga. (2018). *Phương pháp dạy học tích cực trong giáo dục mầm non*. Nxb ĐHSP. Hà Nội.
4. Nguyễn Thị Hoa. (2020). *Phát triển năng lực sư phạm cho giáo viên mầm non*. Nxb Giáo dục Việt Nam. Hà Nội.
5. Phạm Thị Kim Loan. (2019). *Tâm lý học trẻ em lứa tuổi mầm non*. Nxb ĐHQG. Hà Nội.
6. Trần Khánh An. (2017). *Kỹ năng tổ chức hoạt động giáo dục mầm non*. Nxb ĐHSP Thành phố Hồ Chí Minh.
7. Vũ Thị Thu Hiền. (2022). Ứng dụng công nghệ thông tin trong giáo dục mầm non. *Tạp chí Giáo dục Mầm non*, số 5, tr.25-32.

THEORETICAL BASIS OF APPLYING ACTIVE TEACHING METHODS IN PRESCHOOL TEACHER TRAINING

Abstract: *The application of active teaching methods in preschool teacher training has become an inevitable requirement in the context of current educational innovation. This article systematizes the theoretical basis of active teaching methods, clarifies the concept, characteristics, role and basic principles of this method. Based on the Framework for the Training Program for preschool teacher training according to Circular 17/2021/TT-BGDĐT and the program of Hanoi Metropolitan University, the study analyzes the objectives, training content and professional competencies that need to be formed in*

students majoring in preschool teacher training. The results show that active teaching methods has a close relationship with the core competencies of preschool teacher training, especially the capacity to plan, organize activities, assess children, communicate - cooperate and self-study capacity. The article also points out the factors affecting the application of active teaching methods, including: capacity and innovative perspectives of lecturers; students' basic attitudes and skills; training programs and conditions of training institutions.

The study confirms that active teaching methods is not only a tool to innovate teaching methods but also an effective approach to develop preschool teacher professional capacity according to new output standards. The research results can be used as a basis for training institutions to adjust programs and design courses in the direction of developing capacity.

Keywords: *Preschool teacher training; innovation in teaching methods; active learning environment; preschool teacher capacity; active teaching methods.*